

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về kỹ thuật:

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------|--|---|-----------|
| I | Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công | | |
| 1 | Hiểu biết về gói thầu và biện pháp tổ chức thi công tổng thể gói thầu | | |
| 1.1 | Hiểu biết dự án và gói thầu - Thông tin cơ bản, quy mô, đặc điểm của gói thầu - Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình thi công xây dựng | Có am hiểu về gói thầu | Đạt |
| | | Không am hiểu về gói thầu hoặc am hiểu không đúng về gói thầu | Không đạt |
| 1.2 | Tổ chức mặt bằng công trường: Bố trí thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công | Có giải pháp bố trí hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công, tiến độ huy động máy và hiện trạng công trình xây dựng, có bản vẽ bố trí tổng mặt bằng thi công kèm theo. Vị trí đặt trụ sở Ban chỉ huy công trường phải đảm bảo đủ điều kiện để bao quát quản lý công trường. | Đạt |
| | | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, không có bản vẽ bố trí tổng mặt bằng thi công kèm theo. Vị trí đặt trụ sở Ban chỉ huy công trường không đảm bảo đủ điều kiện để bao quát quản lý công trường | Không đạt |
| 1.3 | Tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường - Có sơ đồ tổ chức của nhà thầu tại công trường: Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, chất lượng, vật tư, thiết bị an toàn, an ninh, môi trường. | Có sơ đồ và giải pháp bố trí nhân sự, thiết bị máy móc hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | | Không có sơ đồ và giải pháp bố trí nhân sự, thiết bị máy móc không | Không đạt |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------|---|--|-----------|
| | - Sơ đồ bố trí các tổ đội thi công. | hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | |
| 1.4 | - Giải pháp khảo sát, trắc đạc, chuẩn bị để thi công công trình - Giải pháp thi công tổng thể các hạng mục. | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 2 | Biện pháp tổ chức thi công chi tiết | | |
| 2.1 | Biện pháp thi công các hạng mục: Nền đường, mặt đường; Kè đá hộc; Cống ngang; Mương xây dọc tuyến; Cọc tiêu | Trình bày đầy đủ các nội dung bên, các công việc đầy đủ theo HSTK được duyệt, có thuyết minh kèm theo bản vẽ biện pháp thi công đầy đủ chi tiết các hạng mục, biện pháp thi công hợp lý, khả thi | Đạt |
| | | Không có bản vẽ biện pháp thi công, không có thuyết minh biện pháp thi công hoặc có nhưng không đầy đủ, không khả thi hoặc nêu không đúng, trình bày không đáp ứng các nội dung theo yêu cầu, không phù hợp với HSTK được duyệt | Không đạt |
| 3 | Khả năng cung cấp vật tư, vật liệu để thi công công trình | | |
| 3.1 | Đối với các loại vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu đưa vào thi công công trình: Xi măng, cát các loại, đá các loại, đá hộc, gạch xây (<i>nguồn gốc, xuất xứ, tiêu chuẩn áp dụng còn hiệu lực</i>) | <ul style="list-style-type: none"> - Có bảng kê đầy đủ, đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế và TCVN; - Có hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu với đơn vị cung cấp (kèm theo giấy đăng ký kinh doanh). - Có biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu tại công trình đảm bảo | Đạt |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------|--|--|-----------|
| | | yêu cầu kỹ thuật và tiến độ thi công - Có phương án cung ứng vật tư, vật liệu đáp ứng được tiến độ thi công - Có phương án tập kết vật tư tại công trường phục vụ các tình huống cấp bách | |
| | | Không có hoặc không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. | Không đạt |
| 3.2 | Phòng thí nghiệm cho gói thầu | Có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu, kèm theo quyết định của phòng LAS-XD | Đạt |
| | | Không có: Chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu | Không đạt |
| II | Tiến độ thi công | | |
| 1 | Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 210 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 210 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 210 ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết. | Không đạt |
| 2 | Tính phù hợp: a) Giữa bố trí thiết bị thi công các hạng mục, tiến độ thi công và biện pháp thi công b) Giữa bố trí nhân lực, tiến độ thi công, biện pháp thi công và | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c) Có biểu đồ tổng tiến độ thi công các hạng mục công việc, biểu đồ huy động thiết bị, nhân lực, biểu đồ huy động vật tư, vật liệu chính phù hợp với tiến độ, biện pháp thi | Đạt |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------|---|---|-----------|
| | biểu đồ nhân lực c) Giữa tiến độ huy động vật tư, vật liệu chính (Xi măng, cát các loại, đá các loại, đá hộc, gạch xây), tiến độ thi công, biện pháp thi công và biểu đồ huy động vật tư, vật liệu chính | công | |
| | | Đề xuất không đủ 3 nội dung a), b) và c). Không có biểu đồ hoặc biểu đồ không phù hợp | Không đạt |
| 3 | Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có yếu tố khách quan (mưa bão, mất điện,...) | Có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có yếu tố khách quan hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Đạt |
| | | Không có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có yếu tố khách quan hoặc không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Không đạt |
| III | Cách thức quản lý dự án bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường | | |
| 1 | Trình bày cách thức tổ chức quản lý dự án phù hợp tính chất của gói thầu | Có thuyết minh về tổ chức quản lý dự án đầy đủ phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ các nội dung trên | Không đạt |
| 2 | Trình bày cách thức tổ chức quản lý dự án hiện trường phù hợp tính chất của gói thầu | Có thuyết minh về tổ chức quản lý dự án đầy đủ phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ các nội dung trên | Không đạt |
| IV | Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động | | |
| 1 | Trình bày biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công gồm: - Lập hệ thống quản lý chất lượng công trình, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ | Đề xuất đầy đủ và hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ và hợp lý, phù hợp với đề | Không đạt |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----|---|--|-----------|
| | <p>phận thi công xây dựng công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý chất lượng máy móc, thiết bị thi công. - Biện pháp kiểm soát, đảm bảo chất lượng cho các công tác thi công chính. - Biện pháp phối hợp giữa Nhà thầu với Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế, chính quyền và nhân dân địa phương để thi công công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. - Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán và các tài liệu có liên quan trong quá trình thi công | xuất về biện pháp tổ chức thi công | |
| 2 | <p>Trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công - Biện pháp bảo quản vật liệu, vật tư, công trình khi tạm dừng thi công khi mưa, bão | Đề xuất đầy đủ và hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ và hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 3 | <p>Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường: Có các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế hoặc triệt để tác động xấu đến môi trường xung quanh và đảm bảo các yếu tố khác trong quá trình thi công</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng ồn, bụi và khói, kiểm soát nước thải, rác thải, vệ sinh + Đảm bảo trật tự, trị an trong quá trình xây dựng + Hoàn trả mặt bằng, các công | Có các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế hoặc triệt để tác động xấu đến môi trường xung quanh và đảm bảo các yếu tố khác trong quá trình thi công. | Đạt |
| | | Không nêu đầy đủ các nội dung hoặc nêu không đúng theo yêu cầu | Không đạt |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------------|--|---|------------|
| | trình hạ tầng kỹ thuật sau khi thi công xong | | |
| 4 | Biện pháp phòng cháy, chữa cháy | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 5 | An toàn lao động, an toàn về điện: Lập kế hoạch tổng hợp về an toàn theo yêu cầu tại chương V - Yêu cầu về xây lắp | Có biện pháp và phương án rõ ràng, cụ thể theo yêu cầu | Đạt |
| | | Không có biện pháp và phương án rõ ràng theo yêu cầu hoặc biện pháp không đầy đủ theo yêu cầu | Không đạt |
| V | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | | |
| 1 | Bảo hành công trình: - Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng (Nhà thầu có cam kết) - Có thuyết minh bảo hành, bảo trì công trình theo quy định. | Đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Đạt |
| | | Không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Không đạt |
| VI | Uy tín của nhà thầu | | |
| 1 | Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Đáp ứng và có cam kết không bị kết luận vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Đạt |
| | | Không đáp ứng hoặc Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu | Không đạt |
| Kết luận | | Các tiêu chuẩn chi tiết trên đều được xác định là đạt. | Đạt |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----|------------------|--|------------------|
| | | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không được phép thay thế